

STT	Số GP	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ THỪA ĐẤT	PHƯỜNG	LOẠI CẤP	XÂY DỰNG	Số tầng	S tầng 1	S Sàn
1	1	Hoàng Thị Đạt và Nguyễn Thị Mỹ Duyên	thửa 733 tbd 56 (395, 382 tbd 6)	Đằng Hải	Mới	Chính	4	54	228
15	15	Nguyễn Văn Bắc	thửa 1126 (1097 591-1) tbd 11	Nam hải	Mới	Chính	2	59.8	70.8
20	20	Vũ Văn Hiếu và Vũ Thị Hải	lô 07 tbd 05	Đằng Hải	Mới	Chính	5	72	344
21	21	Bùi Bình Minh	thửa 1520 tbd 5	Đằng Hải	Mới	Chính	5	63	306.3
30	5	Phạm Văn Đích và Nguyễn Thị Hà, Bùi Tiến Nam và Phạm Thị Thơm	thửa 3755 tbd 55 (1070, 289D tbd	Đằng Hải	Mới	Tạm	3	46.8	140.4
31	6	Phạm Văn Đích và Nguyễn Thị Hà, Bùi Tiến Nam và Phạm Thị Thơm	thửa 3756 tbd 55 (1070, 289D tbd	Đằng Hải	Mới	Tạm	3	55.6	166.8
32	7	Trần Thị Vui	thửa 417 tbd 2	Đằng Hải	Mới	Tạm	1	100	100
33	8	Nguyễn Thị Hiền	thửa 47 tbd 42	Đằng Lâm	Mới	Tạm	3	95	285
34	9	Lê Thị Nhân	thửa 3794 tbd 57 (3766, 82 tbd 7)	Đằng Hải	Mới	Tạm	3	64.9	194.7

STT	Số GP	Số GP	Ngày cấp	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ THỪA ĐẤT	PHƯỜNG	LOẠI CẤP	XÂY DỰNG	Số tầng	S tầng 1	S Sàn
1	37		12-02-26	Trần Quang Đại và Bùi Thị Hà	thửa 41C tbd QH3	Đằng Lâm	Mới	Chính	2	130.6	252.3
2	46		12-02-26	Trần Văn Chính và Phạm Quỳnh Trang	thửa 1002 tbd 17	Đằng Lâm	Mới	Chính	4	46.7	186.8
3	47		12-02-26	Nguyễn Thị Mai Trang	lô 39 tbd 05	Đằng Hải	Mới	Chính	4	49.2	196.8
4	48		12-02-26	Nguyễn Đức Quang và Nguyễn Thị Thu Trang	thửa 253 lô N13	Đằng Hải	Mới	Chính	4	90.75	363
5	49		12-02-26	Phạm Văn Thao và Nguyễn Thị Thu Hà	thửa 3654 (3605, 12) tbd 54	Đằng Hải	Mới	Chính	4	38.3	155.9
6	50		12-02-26	Phạm Văn Thao và Nguyễn Thị Thu Hà	thửa 3653 (3605, 12) tbd 54	Đằng Hải	Mới	Chính	4	38.3	155.9
7	51		12-02-26	Vũ Thị Hiến	thửa 573 tbd 7	Đằng Hải	Mới	Chính	1	126	126
8	52		12-02-26	Mai Đình Hoàng và Trần Thị Lan Hương	thửa 1483 (lô N4) tbd 01	Đằng Hải	Mới	Chính	3	68.8	219.4

STT	Số GP	Số GP	Số ĐC	Ngày cấp PHONG	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ THỪA ĐẤT	PHƯỜNG	LOẠI CẤP	XÂY DỰNG	Số tầng	S Sàn tầng 1	S Sàn
1	93			13-03-26	Trần Quang Hiến và Nguyễn Thị Huệ	lô số 40 tbd 5	Đặng Hải	Mới	Chính	3	58.5	175.5
2	94			13-03-26	Nguyễn Hoàng Anh	thửa 10 N2 tbd 6	Đặng Hải	Mới	Chính	3	155.26	524.41
3	95			13-03-26	Bùi Văn Lâm và Nguyễn Thị Sao Mai	thửa 1166 tbd 7	Đặng Hải	Mới	Chính	4	52.2	182.2
4	96			13-03-26	Đào Văn Đạt và Trần Thị Phương Hoa	thửa 1801 tbd 4	Đặng Hải	Mới	Chính	3	80	217.8
5	97			13-03-26	Hà Thị Lý	thửa 2787 (2760, 374 tbd 2) tbd 52	Đặng Hải	Mới	Chính	4	36	144
6	98			13-03-26	Nguyễn Như Thao và Nguyễn Thị Thanh Loan	thửa 33534 (3458, 52+53+54) tbd 4	Đặng Hải	Mới	Chính	4	42.9	171.6
7	99			13-03-26	Trần Văn Nam và Phạm Thị Hiền	thửa 3652(3605,12) tbd 54	Đặng Hải	Mới	Chính	4	40	160
8	100			13-03-26	Bùi Xuân Thuận và Lê Thị Châu	thửa 418 tbd 3	Đặng Hải	Mới	Chính	3	180.45	545.73
9	101			13-03-26	Nguyễn Xuân Trường và Nguyễn Thị Thanh Ngân	lô 215, tbd 4	Đặng Hải	Mới	Chính	3	74	78.8

STT	Số GP	Số GP	Số ĐC	Số GP	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ THỪA ĐẤT	PHƯỜNG	LOẠI CẤP	XÂY DỰNG	Số tầng	S tầng 1	S Sàn
1	168				Hoàng Ngọc Tuấn và Đỗ Thị Dương	thửa 222 lô N13	Đặng Hải	Mới	Chính	4	91.8	326.4
22	189				Hoàng Thị Anh Vân	thửa 3838 (1699, 161) tbd 57	Đặng Hải	Mới	Chính	4	59	236
23	190				Bùi Xuân Phong	414A, tờ 03, TDP Đặng Hải 9	Đặng Hải	Mới	Chính	3	67.5	202.5
24	191				Đặng Sĩ Bùng và Hoàng Thị Diu	2792 (2775 gốc 204), tờ 52	Đặng Hải	Mới	Chính	4	64	243.24
34		124			Lê Văn Giáp	thửa 166 tbd 04	Đặng Hải	Mới	Tạm	2	89	150.3
35		125			Phạm Công Giáp và Đỗ Thị Hường	289, tờ 07	Đặng Hải	Mới	Tạm	3	101.25	321.75
36	201				Nguyễn Mai Linh	thửa 190 tbd 26	Đặng Lâm	Mới	Chính	1	89.6	89.6
37	202				Nguyễn Công Tâm và Vũ Thị Hồng	lô 5/61 tbd 26	Đặng Lâm	Mới	Chính	5	90	382.96
38	203				Bùi Quang Hưng và Trịnh Thị Thu Huyền	thửa 793(29/72) tbd 26	Đặng Lâm	Mới	Chính	3	90	220
39	204				Đinh Thị Tuấn và Vũ Văn Nam	thửa 115a3 tbd 37	Đặng Lâm	Mới	Chính	3	56.6	178
40		126			Đỗ Xuân Thắng và Hà Thị Thương	thửa 217 tbd 26	Đặng Lâm	Mới	Tạm	3	75	227
41	205				Nguyễn Vũ Trà My	thửa 540a tbd 01	Nam Hải	Mới	Chính	3	67.7	195



STT	Số GP	Số GP	Số ĐC	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ THUẢ ĐẤT	PHƯỜNG	LOẠI CẤP	XÂY DỰNG	Số tầng	S tầng 1	S Sàn
1	263			Lưu Thủy Hà	thửa 1131 (238+255) tbd 07	Đằng Hải	Mới	Chính	5	51.2	272
2	271			Lưu Duy Phúc	thửa 182A tbd 07	Đằng Hải	Mới	Chính	5	86.9	393.1
3	272			Vũ Hữu Quảng	lô số 70 tbd 08	Đằng Hải	Mới	Chính	4	56.3	225.2



STT	Số GP	Số GP	Số ĐC	Số GH	Số SCC	Ngày cấp	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ THỪA ĐẤT	PHƯỜNG	LOẠI CẤP	XÂY DỰNG	Số tầng	S tầng 1	S Sàn
1	318					03-06-26	Lê Văn Thanh	thửa 01BT tbd 08	Đặng Hải	Mới	Chính	4	163.7	554.81
2	319					05-06-26	Đỗ Văn Cường và Trần Thị Mỹ	thửa 782(128) tbd 7	Đặng Hải	Mới	Chính	3	54	216
20				1		04-06-26	Vũ Hải Long, Vũ Thị Hải Lan và Vũ Hải Lân	thửa 159 tbd 38	Đặng Lâm	Gia hạn	Chính	3	97.6	275.56
21				2		04-06-26	Vũ Hải Long và Vũ Thị Thu Hường	thửa 435(138) tbd 38	Đặng Lâm	Gia hạn	Chính	3	73.7	221.1
22	336					05-06-26	Nguyễn Văn Tốt	thửa 01 tbd 111	Nam Hải	Mới	Chính	2	100.93	201.86
23					7	05-06-26	Đặng Văn Thém và Nguyễn Thị Hải Chung	thửa 42D tbd 25	Đặng Lâm	SCCT		3	41.65	124.95
24		177				05-06-26	Triều Thị Cừ	thửa 2739 tbd 52	Đặng Hải	Mới		2	73.9	147.8
25		178				05-06-26	Lê Thị Hồng Lam và Lưu Minh An	thửa 412 tbd 5	Đặng Hải	Mới		1	195	195
26		179				05-06-26	Nguyễn Anh Trung và Lưu Thị Diu	thửa 2(3782, 49+51 tbd 5) tbd 123	Đặng Hải	Mới		3	64.5	193.5

STT	Số GP	Số ĐC	Số GH	Số CCC	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ THUẢ ĐẤT	PHƯỜNG	LOẠI CẤP	XÂY DỰNG	Số tầng	S	S San
1		8			Đỗ Ngọc Hòa và Nguyễn Thị Trang	thửa 9 thửa 4	Đằng Hải	Điều chỉnh	Chỉnh	4	58.32	233.28
2		9			Nguyễn Thị Thủy	thửa 4A/117 thửa 25	Đằng Lâm	Điều chỉnh	Chỉnh	4	90	368.51
3		10			Trần Quang Đại và Bùi Thị Hà	thửa 41C thửa QH3	Đằng Lâm	Điều chỉnh	Chỉnh	3	130.53	368.01
4	408				Nguyễn Như Thao và Nguyễn Thị Thanh Loan	thửa 17 thửa 136 (512 thửa 5)	Đằng Hải	Mới	Chỉnh	4	40	170.8
13	417				Nguyễn Thị Hào	thửa 226 (59) thửa 33	Đằng Lâm	Mới	Chỉnh	4	41.8	148.4
14		200			Lê Trí An	thửa 17 thửa 27	Đằng Lâm	Mới	Tạm	3	80.4	260.65
15		201			Lương Xuân Hoàng	thửa 10 thửa 125 (3725 thửa 4)	Đằng Hải	Mới	Tạm	3	91.2	235.5

